

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chính.

Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Xuân Ph, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Ng, sinh năm: 1987; hộ khẩu thường trú: Thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Tham gia tố tụng với bên bị đơn):* Anh Lê Đình D, sinh năm: 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân Ph trình bày:

Vào năm 2017 và năm 2018 chị Phạm Thị Ng có tham gia chơi 06 dây hội do chị làm chủ cái, mục đích góp vốn làm ăn, việc chị Ng chơi hội của chị thì chồng của chị Ng là anh Lê Đình D có biết, anh D có nói với chị Ph chỉ cho chị Ng chơi hội của chị Ph vì chị Ph là giáo viên. Do chị Ng đã hót hết các dây hội nhưng không đóng tiền nên chị khởi kiện chị Ng tới Tòa án nhân dân huyện T và chị Nga cũng

đồng ý trả cho chị số tiền các dây hụi. Tháng 9/2018 Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, buộc chị Ng trả cho chị số tiền hụi tính đến tháng 9/2018 tổng cộng là 100.000.000 đồng. Hiện nay chị Ng còn nợ lại chị số tiền hụi chưa đóng tính từ tháng 10/2018 đến tháng 5/2019 tổng cộng là 168.000.000 đồng, cụ thể:

- Dây hụi 2.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 15/7/2017, dây huê có 21 phần, chị Ng chơi 02 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 06 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 02 phần = 24.000.000đ;

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 10/10/2017, dây huê có 17 phần, chị Ng chơi 02 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 05 kỳ x 1.000.000đ/kỳ x 02 phần = 10.000.000đ;

- Dây hụi 2.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 10/10/2017, dây huê có 17 phần, chị Ng chơi 03 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 05 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 03 phần = 30.000.000đ;

- Dây hụi 3.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 20/11/2017, dây huê có 23 phần, chị Ng chơi 02 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 08 kỳ x 3.000.000đ/kỳ x 02 phần = 48.000.000đ;

- Dây hụi 2.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 15/3/2018, dây huê có 23 phần, chị Ng chơi 01 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 08 kỳ x 2.000.000đ/kỳ = 16.000.000đ;

- Dây hụi 5.000.000đ/tháng, bắt đầu xổ ngày 15/3/2018, dây huê có 21 phần, chị Ng chơi 01 phần, đã hốt hết và còn nợ lại là 08 kỳ x 5.000.000đ/kỳ = 40.000.000đ.

Chị đề nghị Tòa án buộc chị Ng và anh D phải trả số tiền trên cho chị, chị không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Phạm Thị Ng trình bày:

Vào năm 2017 và năm 2018 chị có tham gia chơi hụi do chị Trần Thị Xuân Ph làm chủ cái, mục đích góp vốn làm ăn. Do cần số vốn làm kinh tế gia đình nên chị đã hốt hết các phần hụi mà chị đã chơi với chị Ph, từ tháng 6/2018 chị không có khả năng đóng hụi cho chị Ph nữa nên chị Ph khởi kiện chị ra Tòa án nhân dân huyện T và chị cũng đồng ý trả lại số tiền hụi chưa đóng cho chị Ph đối với các dây hụi mà chị Ph trình bày nêu trên, tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Nay chị Ph yêu cầu chị trả lại số tiền hụi còn nợ trên là không đúng, vì chị đã trả cho chị Ph theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng cho anh Lê Đình D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng anh D vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Xuân Ph; buộc bị đơn chị Phạm Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình D có trách nhiệm liên đới trả cho chị Ph số tiền 168.000.000 đồng và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Phạm Thị Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh D.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn chị Trần Thị Xuân Ph có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị Ng thôn Q 1, xã M, huyện T, tỉnh Ninh Thuận trả lại số tiền hui. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng hui*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

[3]. *Về nội dung vụ án*: Vào năm 2017 và năm 2018, chị Phạm Thị Ng có tham gia chơi 06 dây hui do chị Trần Thị Xuân Ph làm chủ cái. Hiện nay, chị Ng đã hốt hết các dây hui trên.

Yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Xuân Ph: Do chị Ng đã hốt hết hui nhưng không đóng và còn nợ lại số tiền của 06 dây hui tính từ tháng 10/2018 đến tháng 5/2019 là 168.000.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Chị đề nghị Tòa án buộc chị Ng phải trả số tiền trên cho chị, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Yêu cầu của bị đơn chị Phạm Thị Ng: Chị không đồng ý trả lại số tiền hui còn lại của các dây huê trên cho chị Ph, vì chị đã trả cho chị Ph theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Thị Xuân Ph và chị Phạm Thị Ng đều thừa nhận chị Ng có chơi 06 dây hui do chị Ph làm chủ cái và chị Ng đã hốt hết cái dây hui trên. Do chị Ng đã hốt hết hui nhưng không đóng tiền nên chị Ph khởi kiện chị Ng tới Tòa án nhân dân huyện T và chị Ng đồng ý trả cho chị Ph số tiền hui còn nợ tính đến tháng 9/2018 tổng cộng là 100.000.000 đồng (Tại Quyết định công

nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T). Như vậy kể từ tháng 10/2018 trở đi, chị Ng chưa thanh toán số tiền của 06 dây hội còn nợ lại cho chị Ph, cụ thể được tính như sau:

- Dây hội 2.000.000đ/tháng, gồm 21 phần (21 kỳ), chị Ng chơi 02 phần, bắt đầu sổ hội ngày 15/7/2017 đến khi mãn hội ngày 15/3/2019, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 02 phần = 16.000.000đ. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph tính từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019 là 06 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 02 phần = 24.000.000đ;

- Dây hội 1.000.000đ/tháng, gồm 17 phần (17 kỳ), chị Ng chơi 02 phần, bắt đầu sổ hội ngày 10/10/2017 đến khi mãn hội ngày 10/02/2019, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 1.000.000đ/kỳ x 02 phần = 8.000.000đ. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph tính từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019 là 05 kỳ x 1.000.000đ/kỳ x 02 phần = 10.000.000đ;

- Dây hội 2.000.000đ/tháng, gồm 17 phần (17 kỳ), chị Ng chơi 03 phần, bắt đầu sổ hội ngày 10/10/2017 đến khi mãn hội ngày 10/02/2019, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 03 phần = 24.000.000đ. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph tính từ tháng 10/2018 đến tháng 02/2019 là 05 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 03 phần = 30.000.000đ;

- Dây hội 3.000.000đ/tháng, gồm 23 phần (23 kỳ), chị Ng chơi 02 phần, bắt đầu sổ hội ngày 20/11/2017 đến khi mãn hội ngày 20/5/2019, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 3.000.000đ/kỳ x 02 phần = 24.000.000đ. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph tính từ tháng 10/2018 đến tháng 5/2019 là 08 kỳ x 3.000.000đ/kỳ x 02 phần = 48.000.000đ;

- Dây hội 2.000.000đ/tháng, gồm 23 phần (23 kỳ), chị Ng chơi 01 phần, bắt đầu sổ hội ngày 15/3/2018 đến khi mãn hội ngày 15/01/2020, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 2.000.000đ/kỳ = 8.000.000đ. Dây hội này chị Ph chỉ yêu cầu tính từ tháng 10/2018 đến tháng 5/2019. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph là 08 kỳ x 2.000.000đ/kỳ x 01 phần = 16.000.000đ;

- Dây hội 5.000.000đ/tháng, gồm 21 phần (21 kỳ), chị Ng chơi 01 phần, bắt đầu sổ hội ngày 15/3/2018 đến khi mãn hội ngày 15/11/2019, dây hội chị Ng đã hốt hết và ngừng đóng tính từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018 là 04 kỳ x 2.000.000đ/kỳ = 8.000.000đ. Dây hội này chị Ph chỉ yêu cầu tính từ tháng 10/2018 đến tháng 5/2019. Như vậy chị Ng còn nợ lại của chị Ph là 08 kỳ x 5.000.000đ/kỳ x 01 phần = 40.000.000đ.

Tổng cộng số tiền của 06 dây hội còn lại buộc chị Ng phải trả cho chị Ph là 168.000.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*).

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Chị Ph trình bày việc chị Ng chơi hội của chị thì chồng của chị Nga là anh Lê Đình D có biết, anh D có nói với chị Ph chỉ cho chị Ng chơi hội của chị Ph vì chị Ph là giáo viên; chị Ng cũng xác nhận quá trình chị chơi hội, anh D chồng chị có biết và được Tòa án nhân dân huyện T giải

quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 18/2018/QĐST-DS ngày 19/10/2019. Mặt khác, chị Ng và anh D hiện vẫn còn là vợ chồng và sống chung có đăng ký kết hôn; việc chị Ng chơi hụi của chị Ph để cần số vốn làm kinh tế gia đình; khoản nợ này phát trong thời kỳ hôn nhân của chị Ng và anh D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nợ chung của vợ chồng chị Ng và anh D nên cần buộc anh Lê Đình D là chồng phải liên đới cùng vợ là chị Phạm Thị Ng trả cho chị Trần Thị Xuân Ph số tiền 168.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự. Ngoài ra chị Ph không yêu cầu chị Ng và anh D tính lãi suất số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của chị Trần Thị Xuân Ph được chấp nhận nên vợ chồng chị Phạm Thị Ng và anh Lê Đình D có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 168.000.000 đồng x 5% = 8.400.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Xuân Ph đối với vợ chồng chị Phạm Thị Ng và anh Lê Đình D về việc “Tranh chấp hợp đồng hụi”. Buộc vợ chồng chị Phạm Thị Ng và anh Lê Đình D liên đới trả cho chị Trần Thị Xuân Ph số tiền hụi là 168.000.000đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Vợ chồng chị Phạm Thị Ng và anh Lê Đình D liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho chị Trần Thị Xuân Ph số tiền 4.300.000 (*Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0016446 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến